

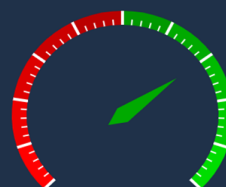
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

PSI DAILY REPORT

TỔNG HỢP: **MUA**

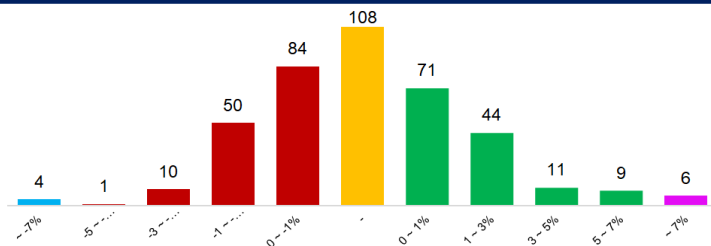
Đường trung bình: **MUA** Mua (8) Bán(4)
Chỉ số kỹ thuật: **MUA MẠNH** Mua (6) Bán (2)

* Dữ liệu được tính toán tự động theo thời gian thực



18/12/2025	HSX	HNX	UPCOM
Chỉ số Index	1,676.98	253.23	118.75
Tăng/ giảm điểm	▲ 3.32	▲ 0.11	▼ -0.01
KLGD (triệu CP)	677	48	30
GTGD (tỷ VNĐ)	18,581.7	939.6	413.2
Khối ngoại (tỷ VNĐ)	-851.6	-18.0	-1.8

ĐỘ RỘNG SÀN HSX



HIỆU SUẤT CÁC NHÓM NGÀNH 18/12

Ngành	Tăng/Giảm %	Đóng góp Index
Ngân hàng	0.47%	2.66
Du lịch và Giải trí	1.62%	1.27
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.17%	0.72
Thực phẩm và đồ uống	0.50%	0.49
Điện, nước & xăng dầu khí	0.35%	0.23
Bảo hiểm	0.18%	0.02
Truyền thông	0.72%	0.01
Tài nguyên Cơ bản	-0.03%	0.01
Xây dựng và Vật liệu	-0.07%	0.02
Ô tô và phụ tùng	-0.36%	0.03
Y tế	-0.42%	0.04
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.38%	0.05
Bán lẻ	-0.17%	0.06
Bất động sản	-0.06%	0.27
Dầu khí	-0.93%	0.28
Hóa chất	-0.68%	0.30
Dịch vụ tài chính	-0.37%	0.35
Công nghệ Thông tin	-1.51%	0.61

BIỂU ĐỒ KỸ THUẬT



*Hỗ trợ gần nhất: 1,630 - 1,640 điểm
**Kháng cự gần nhất: 1,675 - 1,690 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NGÀY

VN-Index ghi nhận phiên hồi phục nhẹ với mẫu hình nến xanh thân nhỏ và bóng dưới dài, cho thấy lực cầu hỗ trợ tốt tại vùng thấp quanh 1,665 điểm. Dù chỉ số vẫn duy trì trên MA100, xu hướng ngắn hạn chưa thực sự tích cực khi giá còn dao động dưới MA20 và thanh khoản suy giảm. Vùng hỗ trợ quan trọng nằm tại 1,660–1,665, trong khi kháng cự gần là 1,690–1,700. Dòng tiền hiện tại mang tính thăm dò, cần thêm thời gian tích lũy trước khi xác lập xu hướng rõ ràng hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

PSI DAILY REPORT

GIÁ TRỊ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA/BÁN RÒNG (TỶ)



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ CỔ PHIẾU NGẮN HẠN

CÁC SẢN PHẨM KHÁC CỦA TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

VIỆT NAM TRONG “CƠN LỐC” THUẾ ĐỐI ỨNG 46% >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo Chiến lược đầu tư 2025 - Kỳ nguyên vẹn mình >>> [Xem tại đây](#)

CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI 2.0: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo triển vọng giá dầu và cổ phiếu dầu khí 2024 - 2025 >>> [Xem tại đây](#)

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH ĐẦU TƯ CÔNG >>> [Xem tại đây](#)

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU GIÁ TRỊ

Mã cổ phiếu	Tăng trưởng doanh thu			Tăng trưởng lợi nhuận			KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024	2022	2023	2024					
BID	20%	0%	3%	69%	20%	17%	7,210,938	17.60%	0.91%	11.49	1.89
MBB	37%	7%	6%	37%	16%	9%	29,971,678	21.36%	2.13%	9.26	1.85
CTG	14%	11%	18%	19%	18%	27%	9,397,336	19.97%	1.24%	9.24	1.71
ACB	24%	6%	11%	43%	17%	5%	15,975,150	20.17%	1.96%	8.91	1.73
SHB	13%	10%	10%	54%	-5%	27%	85,528,584	18.34%	1.43%	7.78	1.35
HDB	30%	23%	39%	27%	26%	28%	23,798,999	25.21%	2.02%	8.12	1.87
MSB	34%	10%	11%	14%	1%	19%	19,606,359	13.65%	1.60%	8.90	1.15
STB	43%	29%	11%	48%	53%	31%	12,981,945	20.70%	1.54%	9.40	1.82
PVT	21%	6%	23%	39%	6%	20%	4,132,282	13.86%	5.45%	7.86	1.05
QNS	13%	21%	2%	3%	70%	9%	229,837	21.22%	14.78%	8.26	1.73

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã cp	Tỷ suất cổ tức			Nợ vay tài chính /VCSH	KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024						
DCM	6%	9%	6%	0.13	3,869,502	14.74%	9.16%	12.55	1.77
DPM	15%	22%	6%	0.31	3,793,607	4.25%	2.87%	33.57	1.43
GAS	5%	6%	10%	0.05	1,049,249	16.96%	12.13%	15.21	2.57
NT2	9%	14%	9%	0.24	1,037,942	6.79%	3.06%	20.81	1.45
SAB	7%	5%	7%	0.02	1,450,977	17.17%	12.56%	15.23	2.61
VNM	7%	7%	7%	0.26	4,733,510	26.63%	15.80%	15.19	3.95
QNS	7%	7%	9%	0.27	354,059	23.35%	16.14%	10.56	1.14
QTP	12%	17%	11%	0.04	557,688	10.71%	7.82%	7.02	1.85
VEA	12%	11%	13%	0.00	72,551	25.66%	24.42%	17.58	1.77
PVI	6%	5%	6%	0.02	3,869,502	10.23%	2.49%	12.55	1.77

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.